

Số: 387/BC-TTYT

Giang Thành, ngày 05 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO
Kết quả tự chấm điểm Hệ y tế Dự phòng năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 3974/KH-SYT ngày 24/11/2023 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc kiểm tra hệ y tế dự phòng;

Nay Trung tâm Y tế huyện Giang Thành báo cáo kết quả chấm điểm Hệ y tế Dự phòng năm 2024, cụ thể như sau:

I. NGUỒN LỰC VÀ HOẠT ĐỘNG THEO CNNV: 48/58 điểm

1.1. Cơ sở hạ tầng: đạt 10/14 điểm

- **Tiêu chuẩn 1:** Đơn vị có hệ thống nhà cấp I và cấp II kiến trúc theo tiêu chuẩn xây dựng, đảm bảo dây truyền hoạt động hợp lý: Đảm bảo. Điểm tự chấm: **1.0 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 2:** Khoa (phòng) xét nghiệm đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế xây dựng: Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **1.0 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 3:** Các khu nhà không dột, không bị mốc, quét sơn hoặc vôi sạch: Đạt. Điểm tự chấm: **2.0 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 4:** Có hệ thống xử lý chất thải lỏng, rắn hoặc hợp đồng với cơ quan môi trường đô thị xử lý và tiêu hủy: Hệ thống hoàn chỉnh hoạt động tốt. Điểm tự chấm: **1.0 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 5:** Có môi trường cảnh quan tốt, có hàng rào ngăn cách, cổng xây, có hệ thống cống rãnh tốt. Có và đạt tiêu chuẩn. Điểm tự chấm: **2.0 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 6:** Có hệ thống phòng cháy – chữa cháy và nhân viên thành thạo cách sử dụng: Đạt tiêu chuẩn. Điểm tự chấm: **2.0 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 7:** Khu vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế: Đạt tiêu chuẩn. Điểm tự chấm: **2.0 điểm.**

1.2. Trang thiết bị: đạt 3/4 điểm

- **Tiêu chuẩn 8:** Các thiết bị thiết yếu cho các phòng xét nghiệm theo nhiệm vụ, chức năng của đơn vị phát huy tốt hiệu quả sử dụng: Không đạt. Điểm tự chấm: **1.0 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 9:** Các thiết bị được bảo dưỡng định kỳ, hoạt động và phát huy có hiệu quả, có bảng hướng dẫn sử dụng, nhân viên sử dụng thành thạo: Đạt tiêu chuẩn. Điểm tự chấm: **2.0 điểm.**

1.3. Cơ cấu lao động và trình độ cán bộ: 7.5/8.0 điểm

- **Tiêu chuẩn 10:** Giám đốc và các Phó giám đốc: **1.75 điểm.**

+ **Mục 1.1:** 100% có trình độ đại học, trong đó trên 60% có trình độ sau đại học: điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

+ **Mục 1.2:** 100% có bằng chính trị cử nhân, cao cấp hay trung cấp: Điểm tự chấm: **0,5 điểm.**

+ **Mục 1.3:** Từ 60% trở lên có chứng chỉ quản hành chính: Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

+ **Mục 1.4:** Từ 60% trở lên ngoại ngữ trình độ C, còn lại là B: Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 11:** Các Trưởng phòng và Phó phòng: 100% có trình độ đại học, trong đó trên 20% có trình độ sau đại học. Điểm tự chấm: **2.0 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 12:** Các Trưởng khoa và các Phó trưởng khoa: 100% có trình độ đại học, trong đó trên 60% có trình độ sau đại học. Điểm tự chấm: **1.75 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 13:** Cơ cấu lao động: Tỷ lệ cán bộ chuyên môn/lao động khác (cán bộ chuyên môn: cán bộ y, dược, y tế công cộng, kỹ thuật viên các loại, điều dưỡng, Cn sinh học, còn lại là lao động khác): 60% - 80%. Điểm tự chấm: **2.0 điểm.**

1.4. Đào tạo: đạt 6/6 điểm

- **Tiêu chuẩn 14:** Đơn vị tổ chức các khóa đào tạo hoặc cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo liên tục /đào tạo tại chỗ hàng năm để cập nhật kiến thức, kỹ năng cho cán bộ viên chức (CBVC): Có $\geq 30\%$ CBVC đào tạo lại. Điểm tự chấm: **2.0 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 15:** Trong năm đơn vị cử cán bộ công chức, viên chức đi học các khóa đào tạo nâng cao văn bằng Bác sĩ, Dược sĩ, sau đại học (CKI, CKII, Thạc sĩ, Tiến sĩ): Có. Điểm tự chấm: **2.0 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 16:** Đơn vị tổ chức đào tạo/ phối hợp đào tạo cho tuyến dưới hoặc đào tạo theo nhu cầu của của các đơn vị, tổ chức, cá nhân khác trong tỉnh: Có. Điểm tự chấm: **2.0 điểm.**

1.5. Nghiên cứu khoa học: đạt 2/4 điểm.

- **Tiêu chuẩn 17:** Có đề tài NCKH: Có ≥ 3 đề tài cấp cơ sở. Điểm tự chấm: **1.0 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 18:** Tổ chức Hội nghị khoa học/báo cáo chuyên đề sáng kiến cải tiến hàng năm theo điều lệ hoạt động và nhiệm vụ, chức năng của đơn vị: Không đầy đủ. Điểm tự chấm: **1.0 điểm.**

1.6. Chỉ đạo tuyến – Truyền thông giáo dục: đạt 8/8 điểm

- **Tiêu chuẩn 19:** Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá công tác chỉ đạo tuyến hàng quý, năm: Có. Điểm tự chấm: **2.0 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 20:** Có lãnh đạo đơn vị, trưởng phó khoa, trưởng phó phòng và cán bộ xuống tuyến dưới để chỉ đạo tuyến: Có. Điểm tự chấm: **2.0 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 21:** Đơn vị trong năm có văn bản chỉ đạo tuyến, văn bản thông báo những sai sót chuyên môn (nếu có) cho tuyến dưới: Có. Điểm tự chấm: **2.0 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 21:** Đơn vị trong năm có văn bản chỉ đạo tuyên, văn bản thông báo những sai sót chuyên môn (nếu có) cho tuyên dưới: Có. Điểm tự chấm: **2.0 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 22:** Đơn vị trong năm có kế hoạch truyền thông PC các dịch bệnh cho cộng đồng, tổ chức in/nhận tài liệu truyền thông, cấp phát và tuyên truyền: Đạt đủ các nội dung. Điểm tự chấm: **2.0 điểm**.

1.7. Truyền thông giáo dục: đạt 4/4 điểm.

- **Tiêu chuẩn 23:** Thực hiện đơn vị không thuốc lá: cán bộ nhân viên không hút thuốc lá trong cơ quan, có bảng cấm hút thuốc lá: Đạt. Điểm tự chấm: **2.0 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 24:** Đơn vị có thực hiện chăm sóc sức khỏe cho cán bộ công nhân viên chức: tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm: Có từ 100% CBCNV trở lên. Điểm tự chấm: **2.0 điểm**.

1.8. Hợp tác quốc tế: đạt 1/2 điểm

- **Tiêu chuẩn 25:** Đơn vị trực tiếp hoặc triển khai đề án hợp tác quốc tế và chuyên môn, nghiên cứu khoa học, đào tạo, đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị: Không. Điểm tự chấm: **1.0 điểm**.

1.9. Quản lý kinh tế trong đơn vị: 6.5/8.0 điểm

- **Tiêu chuẩn 26:** Quản lý, sử dụng các nguồn ngân sách của nhà nước, phí, lệ phí, viện trợ ...theo đúng quy định của nhà nước: Có sai sót. Điểm tự chấm: **1.0 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 27:** Tài sản thiết bị máy móc đều được thể hiện trên sổ sách và giao trách nhiệm quản lý cho từng cá nhân: Đảm bảo đúng. Điểm tự chấm: **2.0 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 28:** Sử dụng vật tư, tài sản dựa trên định mức và tiết kiệm:

+ **Mục 1:** Đơn vị có xây dựng định mức vật tư tiêu hao cho các khoa, phòng: Có. Điểm tự chấm: **0.7 điểm**.

+ **Mục 2:** Cấp phát dựa trên định mức theo quy định: Có. Điểm tự chấm: **0.7 điểm**.

+ **Mục 3:** Có biện pháp chống lãng phí và thực hành tiết kiệm: Có. Điểm tự chấm: **0.6 điểm**.

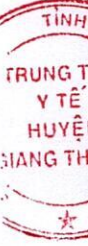
- **Tiêu chuẩn 29:** Tạo thêm nguồn kinh phí từ các hoạt động dịch vụ và thu phí của đơn vị tăng hơn năm trước: Không tăng. Điểm tự chấm: **1.5 điểm**.

II. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN: 39.75/42 điểm

1. Khoa kiểm soát bệnh truyền nhiễm – vắc xin: đạt 6/6 điểm

*** Tiêu chuẩn 30.**

- **Mục 1:** Có kế hoạch phòng chống dịch chủ động ngay từ đầu năm, có chỉ tiêu cụ thể cho từng bệnh và các biện pháp thực hiện: Đạt đủ các nội dung và đạt 70-80% chỉ tiêu KH năm. Điểm tự chấm: **1.0 điểm**.



- **Mục 2:** Thực hiện tốt công tác giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời các vụ dịch, không để dịch lan rộng, kéo dài (số mắc tử vong giảm so với cùng kỳ năm trước): Chưa đủ các nội dung. Điểm tự chấm **1.0 điểm**.

- **Mục 3:** Có đầy đủ sổ theo dõi, thống kê, báo cáo, có bản đồ theo dõi dịch tễ, lưu trữ số liệu và tình hình dịch hàng năm: Đạt đủ các nội dung. Điểm tự chấm: **1.0 điểm**.

- **Mục 4:** Thực hiện tốt các dự án, mục tiêu thuộc chương trình quốc gia thanh toán một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm: Đạt đủ các mục tiêu chuyên môn dự án, CTQGTTMSBXH đề ra. Điểm tự chấm: **1.0 điểm**.

- **Mục 5:** Thực hiện tốt quy chế thông tin, báo cáo bệnh truyền nhiễm gây dịch (Theo thông tư số 48/2010/TT-BYT của Bộ Y tế): Đạt. Điểm tự chấm: **1.0 điểm**.

- **Mục 6:** Có kế hoạch và triển khai các hoạt động về vắc xin và sinh phẩm trong công tác phòng chống dịch bệnh: Tỷ lệ MĐĐĐ không đạt được mục tiêu TCMR giao. Điểm tự chấm: **1.0 điểm**.

2. Khoa Y tế công cộng: đạt 5.5/6 điểm

*** Tiêu chuẩn 31**

- **Mục 1:** Có kế hoạch hoạt động năm của khoa và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời triển khai thực hiện theo tháng, quý, năm: Đạt đủ các nội dung. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**.

- **Mục 2:** Quản lý đầy đủ mạng lưới y tế cơ sở, nhà máy xí nghiệp trong phạm vi được giao và hướng dẫn thực hiện các biện pháp xử lý chất thải theo quy định: Đạt đủ các nội dung. Điểm tự chấm: **1.0 điểm**.

- **Mục 3:** Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn theo chỉ tiêu kế hoạch năm: Đạt. Điểm tự chấm: **1.0 điểm**.

- **Mục 4:** Hướng dẫn kiểm tra đôn đốc thực hiện các qui định về vệ sinh và an toàn lao động đối với các cơ sở nhà máy, xí nghiệp...trên địa bàn. Đạt. Điểm tự chấm: **1.0 điểm**.

- **Mục 5:** Kiểm tra vệ sinh các nguồn cấp nước, các công trình vệ sinh và hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp xử lý chất thải theo qui định: Đạt đủ các nội dung. Điểm tự chấm: **1.0 điểm**.

- **Mục 6:** Phối hợp với các ngành tại địa phương triển khai thực hiện và giám sát các chế độ chính sách của nhà nước và bảo vệ sức khỏe cho người lao động: Không đạt. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**.

- **Mục 7:** Triển khai thực hiện các chương trình, dự án liên quan đến sức khỏe môi trường, quản lý y tế trường học, phòng chống bệnh nghề nghiệp, xây dựng cộng đồng an toàn và phòng chống TNTT trên địa bàn. Đạt mục tiêu, chỉ tiêu chương trình, dự án. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**.

3. Khoa CSSK Sinh Sản & Dinh Dưỡng: đạt 6/6 điểm

*** Tiêu chuẩn 32**

- **Mục 1:** Có kế hoạch hoạt động của khoa theo tháng, quý, năm được cấp thẩm quyền phê duyệt: Đạt đủ các nội dung. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Mục 2:** Có đầy đủ sổ sách quản lý các chỉ số về chăm sóc SKSS và đánh giá thực trạng sức khỏe sinh sản trong địa bàn: Đạt đủ các nội dung. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Mục 3:** Dinh dưỡng cộng đồng

+ Có bản kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia về dinh dưỡng được UBND huyện phê duyệt và có kế hoạch triển khai hàng năm: Có đầy đủ. Điểm tự chấm: **0.3 điểm.**

+ Thực hiện công tác điều tra, giám sát dinh dưỡng trên địa bàn: Có thực hiện. Điểm tự chấm: **0.4 điểm.**

+ Triển khai hoạt động phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng trên địa bàn và các hoạt động khác: Có triển khai. Điểm tự chấm: **0.3 điểm.**

- **Mục 4:** Xây dựng và hoàn thành tốt kế hoạch giám sát hỗ trợ về chuyên môn kỹ thuật đối với y tế tuyến xã thực hiện theo hướng dẫn chuẩn quốc gia về dịch vụ CSSKSS: Đạt đủ các nội dung. Điểm tự chấm: **1.0 điểm.**

- **Mục 5:** Sẵn sàng cung cấp các dịch vụ KHHGĐ, phòng chống nhiễm khuẩn đường sinh sản và có kế hoạch chuyển giao các dịch vụ cho tuyến trước: Đạt đủ các nội dung. Điểm tự chấm: **1.0 điểm.**

- **Mục 6:** Triển khai thực hiện tốt chương trình mục tiêu y tế quốc gia, các dự án về CSSKSS và PC SDD trẻ em trên địa bàn: Đạt đủ các nội dung. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Mục 7:** Thực hiện nghiêm túc báo cáo, thống kê theo đúng qui định: Đạt đủ các nội dung. Điểm tự chấm: **1.0 điểm.**

4. Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm: 6.0/6.0 điểm

*** Tiêu chuẩn 33**

- **Mục 1:** Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện tốt CTMTQG và các dự án về ATVSTP trên địa bàn: Đạt đủ các nội dung và đạt 70-80% chỉ tiêu KH năm. Điểm tự chấm: **2.0 điểm.**

- **Mục 2:** Có kế hoạch tập huấn kiến thức và các quy định về ATTP cho các đơn vị trên địa bàn; giám sát việc thực hiện các điều kiện ATVSTP đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trong phạm vi phân cấp quản lý: Đạt đủ các nội dung. Điểm tự chấm: **2.0 điểm.**

- **Mục 3:** Thực hiện kiểm tra ATVSTP đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn huyện; điều tra và triển khai các biện pháp phòng ngừa ngộ độc thực phẩm theo quy định. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, thống kê: Đạt. Điểm tự chấm: **2.0 điểm.**

5. Chương trình PC HIV/AIDS: đạt 6/6 điểm

*** Tiêu chuẩn 34**

- **Mục 1:** Hoàn thành các chỉ tiêu phòng chống HIV/AIDS trên địa bàn: Đạt. Điểm tự chấm: **2.0 điểm.**

- **Mục 2:** Xây dựng kế hoạch năm, quý; hướng dẫn, chỉ đạo các hoạt động tuyên dười: Đạt. Điểm tự chấm: **2.0 điểm.**

- **Mục 3:** Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, thống kê sơ kết định kỳ, tổng kết: Đạt đủ các nội dung. Điểm tự chấm: **2.0 điểm.**

6. Phòng Truyền thông giáo dục sức khỏe: đạt 6/6 điểm.

*** Tiêu chuẩn 35**

- **Mục 1:** Có kế hoạch hoạt động theo tháng, quý, năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Đạt đủ các nội dung. Điểm tự chấm: **2.0 điểm.**

- **Mục 2:** Thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền về các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực y tế trên địa bàn: Đạt đủ các nội dung. Điểm tự chấm: **1.0 điểm.**

- **Mục 3:** Tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông phòng chống các dịch bệnh cho cộng đồng. có kế hoạch hướng dẫn nghiệp vụ, cấp phát tài liệu truyền thông trên địa bàn huyện xã: Có. Điểm tự chấm: **1.0 điểm.**

- **Mục 4:** Tổ chức dịch vụ tư vấn sức khỏe cho cộng đồng và hướng dẫn nghiệp vụ tư vấn sức khỏe đối với các cơ sở y tế trên địa bàn: Có tổ chức thực hiện đạt chỉ tiêu. Điểm tự chấm: **1.0 điểm.**

- **Mục 5:** Thực hiện chế độ thông tin báo cáo đảm bảo đúng thời gian và nội dung theo qui định: Đạt. Điểm tự chấm: **1,0 điểm**

7. Khoa xét nghiệm: đạt 4.25/6điểm.

*** Tiêu chí 36**

- **Mục 1:** Có kế hoạch của Khoa tháng, quý, năm được cấp thẩm quyền phê duyệt đúng thời gian theo quy định: Có và đầy đủ các nội dung. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Mục 2:** Thực hiện các xét nghiệm cơ bản phục vụ cho công tác chuyên môn của Trung tâm và Y tế xã:

+ Xét nghiệm vi sinh, xét nghiệm ký sinh trùng: Đạt 70 - 80%. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

+ Xét nghiệm vệ sinh An toàn thực phẩm: Dưới 70 - 85%. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

+ Xét nghiệm hóa lý, sinh hóa, huyết học: Dưới 70 - 85%. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Mục 3:** Lấy mẫu và bảo quản mẫu gửi tuyến trên theo đúng qui trình qui định: Đạt đủ các nội dung. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Mục 4:** Xét nghiệm trực tiếp trứng giun sán, ly amip, KSTSR, Iốt và các XN khác đã được TTYTDP tỉnh qui định: Đạt đủ các nội dung. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

- **Mục 5:** Nuôi cấy sơ bộ vi khuẩn để xác định tác nhân gây bệnh phục vụ cho công tác phòng chống dịch và công tác kiểm tra vệ sinh, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo qui định: Không thực hiện. Điểm tự chấm: **0 điểm**.

- **Mục 6:** Phối hợp với các khoa cận lâm sàng của các bệnh viện trên địa bàn huyện để triển khai các xét nghiệm phục vụ kịp thời cho công tác chuyên môn: Đạt. Điểm tự chấm: **1.0 điểm**.

- **Mục 7:** Thực hiện nghiêm túc trả lời kết quả xét nghiệm và báo cáo thống kê theo đúng qui định: Thực hiện tốt. Điểm tự chấm: **1.0 điểm**.

III. TỔNG ĐIỂM 87.75/100 điểm.

Tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm chấm	Người phụ trách chấm
I. NGUỒN LỰC VÀ HOẠT ĐỘNG THEO CNNV			
1. Cơ sở hạ tầng	14	10	Đ/c Tạ Minh Thạnh
2. Trang thiết bị	4	3	
3. Cơ cấu lao động và trình độ cán bộ	8	7.5	
4. Đào tạo	6	6	
5. Nghiên cứu khoa học	4	2	Đ/c Trần Thị Thúy An
6. Chỉ đạo tuyến – Truyền thông giáo dục	8	8	Đ/c Kim Ngọc Lên
7. Truyền Thông Giáo Dục	4	4	Đ/c Nguyễn Trung Kiên
8. Hợp tác quốc tế	2	1	Đ/c Trần Thị Thúy An
9. Quản lý kinh tế trong đơn vị	8	5.5	Đ/c Thị Thắm
Tổng cộng	58	48	
II. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN			
1. Khoa kiểm soát bệnh truyền nhiễm – vắc xin	6	6	Đ/c Trần Lưu Văn Đ/c Nguyễn Minh Quân
2. Khoa Y tế công cộng	6	5.5	Đ/c Hồ Thị Thu Trang
3. Khoa CS SK Sinh Sản & Dinh Dưỡng	6	6	Đ/c Trần Kim Dung Đ/c Hồ Thị Thu Trang
4. Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm	6	6	Đ/c La Thị Hiền
5. Chương trình PC HIV/AIDS	6	6	Đ/c Hồ Thị Lý
6. Truyền thông giáo dục sức khỏe	6	6	Đ/c Nguyễn Trung Kiên

7. Khoa xét nghiệm	6.0	4.25	Đ/c Nguyễn Bá Nam
Tổng cộng	42	39.75	

VI. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt làm được

- Quy hoạch đào được quan tâm thực hiện hàng năm theo lộ trình đào tạo, đảm bảo nguồn nhân lực trong thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị.
- Công tác nghiên cứu khoa học được triển khai thực hiện, trong năm có 6 đề tài cấp cơ sở được Sở Y tế phê duyệt.
- Thực hiện tốt công tác khám sức khỏe định kỳ cho cho công chức, viên chức, người lao động hàng năm.
- Giám sát tình hình dịch bệnh trên địa bàn, không để xảy ra ổ dịch đảm bảo tiến độ hoạt động của các chương trình mục tiêu y tế quốc gia, công tác ATVSTP được đảm bảo không xảy ra ngộ độc thực phẩm trên địa bàn.
- Thực hiện tốt quy chế chuyên môn trong khám và điều trị bệnh, đảm bảo công tác trực cấp cứu đặc biệt trong các dịp lễ, tết.
- Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe triển khai đa dạng, phong phú bằng nhiều hình thức, góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong lĩnh y tế.

2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được như trên đơn vị còn gặp một số hạn chế như:

- Trụ sở làm việc chưa được đầu tư xây dựng mới, các khoa phòng làm việc còn lộng ghép.
- Có hệ thống xử lý chất thải rắn, lỏng hoạt động nhưng chưa thường xuyên.
- Một số thiết bị thiết yếu cho phòng xét nghiệm thực hiện theo nhiệm vụ, chức năng không đạt.
- Trong năm việc thực hiện quản lý, sử dụng các nguồn ngân sách của nhà nước theo quy định còn sai sót.

Trên đây là báo cáo Kết quả chấm điểm Hệ y tế Dự phòng năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Giang Thành.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Ban Giám đốc TTYT;
- Các Khoa, Phòng trực thuộc;
- Website TTYT Giang Thành;
- Lưu: VT, KHNV.

GIÁM ĐỐC



Hỗ Hữu Phước

PHẦN A: THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ:

1. Tên đơn vị: **Trung tâm Y tế huyện Giang Thành**
2. Họ và tên Giám đốc đơn vị: **Hồ Hữu Phước**
Số điện thoại 0918.488.963; Email: hhphuoc72@gmail.com
3. Địa chỉ của đơn vị: Quốc lộ N1, ấp Giồng Kè, xã Phú Lợi, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.
4. Thuộc vùng: III.
5. Hạng đơn vị: Hạng III.
6. Tổng số xã trực thuộc huyện: 05 xã.
7. Dân số của toàn huyện: 29.560 người.
8. Diện tích tự nhiên của huyện: 407.443 km.²
9. Đơn vị thực hiện: Ngân sách nhà nước đảm bảo toàn phần

II. THÔNG TIN VỀ NHÂN LỰC CỦA ĐƠN VỊ

Phân loại cán bộ - công chức	Biên chế	Hợp đồng	Tổng số	Nhận mới trong năm bao gồm cả BC, HĐ
a) Cán bộ Y (cán bộ chuyên môn)	18	2	20	3
- Giáo sư	0	0	0	0
- Phó giáo sư	0	0	0	0
- Tiến sĩ	0	0	0	0
- Thạc sĩ	1	0	1	0
- Chuyên khoa II	2	0	2	0
- Chuyên khoa I	0	0	0	0
- Bác sĩ	2	2	4	2
- Y sĩ	12	10	12	1
- Điều dưỡng các loại	1	0	1	0
b) Cán bộ Dược (cán bộ chuyên môn)	3	0	3	0
- Giáo sư	0	0	0	0
- Phó giáo sư	0	0	0	0
- Tiến sĩ	0	0	0	0
- Thạc sĩ	0	0	0	0
- Chuyên khoa II	0	0	0	0
- Chuyên khoa I	1	0	1	0

- Dược sĩ đại học	1	0	1	0
- Dược sĩ trung học	1	0	1	0
- Dược sĩ sơ học	0	0	0	0
c) Cán bộ Y tế công cộng (cmcb)	0	0	0	0
- Giáo sư	0	0	0	0
- Phó giáo sư	0	0	0	0
- Tiến sĩ	0	0	0	0
- Thạc sĩ	1	0	1	0
- Cử nhân	0	0	0	0
- Cao đẳng	0	0	0	0
d) Cử nhân sinh học (cbcm)	0	0	0	0
- Giáo sư	0	0	0	0
- Phó giáo sư	0	0	0	0
- Tiến sĩ	0	0	0	0
- Thạc sĩ	0	0	0	0
- Cử nhân	0	0	0	0
- Cao đẳng	0	0	0	0
đ) Cán bộ ngành khác	8	0	8	0
- Giáo sư	0	0	0	0
- Phó giáo sư	0	0	0	0
- Tiến sĩ	0	0	0	0
- Thạc sĩ	0	0	0	0
- Cử nhân	5	0	5	0
- Cao đẳng	2	0	2	0
- Trung học	1	0	1	1
- Sơ học	0	0	0	0
e) Kỹ thuật viên các loại (cbcm)	0	0	0	0
- Thạc sĩ	0	0	0	0
- Cử nhân	0	0	0	0
- Cao đẳng	0	0	0	0
- Trung học	0	0	0	0
- Sơ học	0	0	0	0
Cộng:	22	2	24	3

III. Thông tin về hoạt động tài chính: (Đơn vị tính 1.000đ)

1. Tổng các khoản thu (kể cả ngân sách xây dựng cơ bản)

Năm 2023: 22.970.497

Năm 2024: 28.408.408

Trong đó: (1=1a + 1b + 1c + 1d + 1đ + 1e)

1a. Ngân sách Nhà nước cấp cho xây dựng cơ bản

Năm 2023: 00

Năm 2024: 00

1b. Ngân sách Nhà nước cấp cho hoạt động sự nghiệp

Năm 2023: 19.546.312

Năm 2024: 25.232.531

1c. Các nguồn thu từ phí, lệ phí, dịch vụ

Năm 2023: 3.424.185

Năm 2024: 3.175.877

1d. Ngân sách nhà nước cấp từ các chương trình mục tiêu Quốc gia

Năm 2023: 00

Năm 2024: 00

1đ. Ngân sách Nhà nước cấp từ các dự án viện trợ (Trung ương)

Năm 2023: 00

Năm 2024: 00

1e. Ngân sách từ nguồn khác

Năm 2023: 00

Năm 2024: 00

2. Tổng số các khoản chi

Năm 2023: 26.129.825

Năm 2024: 27.830.545

Trong đó

2a. Chi cho nhân lực: (Gồm các mục: 100,101,102,104 trong mục lục ngân sách) hoặc (Gồm các mục mới 6000,6050,6100,6200,6300,6400)

Năm 2023: 14.875.451

Năm 2024: 21.828.203

2b. Chi cho Hành chính (6500- 6700-6900)

Năm 2023: 2.777.633

Năm 2024: 1.878.548

2c. Chi cho nghiệp vụ chuyên môn: (mục cũ 119 hoặc mục mới 6650,7000)

Năm 2023: 4.331.361

Năm 2024: 1.285.740

2d. Chi cho xây dựng cơ bản

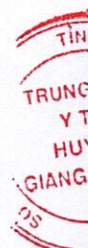
Năm 2023: 00

Năm 2024: 00

2e. Chi cho mua sắm trang thiết bị

Năm 2023: 2.992.794

Năm 2024:



2g. Chi cho duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng

Năm 2023: 1.027.583

Năm 2024: 9.148

2h. Chi cho duy tu, bảo dưỡng trang thiết bị

Năm 2023: 41.946

Năm 2024: 89.347

2i. Chi khác (ghi cụ thể)(7050, 7750, 7799, 7950)

Năm 2023: 83.057

Năm 2024: 2.739.559

PHẦN B

TIÊU CHUẨN KIỂM TRA VÀ THANG ĐIỂM

I. NGUỒN LỰC VÀ HOẠT ĐỘNG THEO CNNV: 58.0 điểm

1.1. CƠ SỞ HẠ TẦNG: 14.0 điểm

Tiêu chuẩn	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm TTYT chấm	Điểm Đoàn chấm
1	Đơn vị có hệ thống nhà xây cấp I và cấp II kiến trúc theo tiêu chuẩn XD, đảm bảo dây chuyền hoạt động hợp lý: - Đảm bảo - Không đáp ứng tiêu chuẩn trên <i>* Nhà xây cấp I và cấp II là nhà tầng và nhà mái bằng.</i> <i>* Bố trí các khu vực liên hoàn về xây dựng cơ sở hạ tầng, thuận tiện cho các hoạt động YTDP: khối hành chính, khối các khoa chuyên môn. Khối tư vấn sức khỏe, khám sức khỏe, khu phụ trợ (kho tàng, chăn nuôi...) kiểm tra theo nhóm tiêu chuẩn V Thông tư số 23/2005/TT-BYT</i>	2.0 1.0	1.0	
2	Khoa phòng xét nghiệm đảm bảo thiết kế xây dựng. - Đảm bảo - Không đáp ứng tiêu chuẩn trên <i>* Theo thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 (điểm 2 nhóm tiêu chuẩn V) phân hạng y tế dự phòng.</i>	2.0 1.0	1.0	
3	Các khu nhà không dột, không bị mốc, quét sơn hoặc vôi sạch - Đạt - Không đạt tiêu chuẩn trên <i>* Tối thiểu phải đạt được khu hành chính, các khoa phòng chuyên môn, khu xét nghiệm phải đạt yêu cầu trên.</i>	2.0 1.0	1.0	
4	Có hệ thống xử lý chất thải rắn, lỏng hoặc hợp đồng với cơ			

	quan môi trường đô thị và tiêu hủy: - Hệ thống hoàn chỉnh hoạt động tốt - Có hệ thống, hoạt động nhưng chưa thường xuyên. - Có nhưng không đạt hoặc không có <i>* Kiểm tra việc lưu trữ các văn bản pháp quy liên quan đến hệ thống xử lý chất thải lỏng; các biên bản kiểm tra đầu ra chất thải lỏng của cơ quan kiểm định môi trường; kiểm tra thực tế vận hành, quan sát hệ thống xử lý chất thải lỏng.</i>	2.0 1.0 00	1.0	
5	Có môi trường cây xanh cảnh quan tốt, có hàng rào ngăn cách, cổng xây, có hệ thống cống rãnh tốt: - Có và đạt tiêu chuẩn - Không <i>* Quan sát, kiểm tra thực tế tại đơn vị</i>	2.0 1.0	2.0	
6	Có hệ thống phòng cháy, chữa cháy và nhân viên thành thạo cách sử dụng: - Đạt tiêu chuẩn - Không đạt tiêu chuẩn <i>* Kiểm tra việc lưu trữ các văn bản quy định, hướng dẫn phòng cháy, chữa cháy; các biên bản kiểm tra định kỳ của đơn vị, cơ quan phòng cháy chữa cháy; kiểm tra ngẫu nhiên thao tác của một số cán bộ như bảo vệ, cán bộ các khoa phòng... về vận hành TTB, quy định phòng cháy, chữa cháy.</i>	2.0 1.0	2.0	
7	Khu vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế: - Đạt tiêu chuẩn - Không đạt <i>* Kiểm tra thực tế: chiếu sáng, đủ nước sử dụng, thường xuyên được làm vệ sinh bảo đảm sạch sẽ. Trong nhà vệ sinh không có rác, mùi hôi, có thùng rác đạt chuẩn.</i>	2.0 1.0	2.0	
Tổng cộng:		14.0	10.0	
1.2 TRANG THIẾT BỊ: 4.0 điểm				
8	Các thiết bị thiết yếu cho các phòng xét nghiệm theo nhiệm vụ, chức năng của đơn vị phát huy tốt hiệu quả sử dụng. - Đạt - Không đạt <i>* Kiểm tra qua Sổ ghi xét nghiệm tập trung vào các xét nghiệm thuộc 2 nhóm vi sinh, vi rút, xét nghiệm lý hóa, bảo</i>	2.0 1.0	1.0	

	<i>đảm nhiệm vụ của các hoạt động PCD.</i>			
9	Các thiết bị được bảo dưỡng định kỳ, hoạt động và phát huy hiệu quả, có bảng hướng dẫn sử dụng, nhân viên sử dụng thành thạo - Đạt các tiêu chuẩn - Không đạt một trong các tiêu chuẩn trên <i>* Kiểm tra lý lịch máy, hồ sơ sửa chữa, bảo dưỡng máy; kiểm tra thực tế hiểu biết và vận hành máy của một vài nhân viên.</i>	2.0 1.0	2.0	
Tổng cộng:		4.0	3.0	
1.3 CƠ CẤU LAO ĐỘNG VÀ TRÌNH ĐỘ CÁN BỘ: 8.0 điểm <i>* Kiểm tra danh sách tổng hợp CBVC của phòng TCCB kèm theo bản sao các bằng cấp, chứng chỉ</i> <i>* Thực hiện theo thông tư số 23/2005/TT-BYT Bộ Y tế về phân hạng</i>				
10	Giám đốc và các phó giám đốc: 1.1. 100% có trình độ đại học, trong đó trên 60% có trình độ sau đại học - 100% có trình độ đại học, trong đó 30% có trình độ sau đại học - 100% có trình độ đại học - <100% có trình độ đại học 1.2. 100% có bằng chính trị cử nhân, cao cấp hay trung cấp - Dưới 100% có bằng chính trị cử nhân, cao cấp hay trung cấp 1.3. Từ 60% trở lên có chứng chỉ quản lý hành chính - Dưới 60% có chứng chỉ quản lý hành chính 1.4. Từ 60% trở lên ngoại ngữ trình độ C trở lên còn lại là B - Dưới 60% ngoại ngữ trình độ C trở lên còn lại là trình độ B	2.0 0.5 0.4 0.3 0.2 0.5 0.25 0.5 0.25 0.25 0.5 0.25 0.25	0.5 0.5 0.5	
11	Trưởng phòng và các phó phòng: - 100% có trình độ đại học, trong đó trên 20% có trình độ sau đại học; - 60-80% có trình độ đại học, còn lại là trung học - 50-<60% có trình độ đại học, còn lại là trung học - <50% có trình độ đại học còn lại là trung học	2.0 2.0 1.75 1.5 1.0	2.0	
12	Trưởng khoa và các phó khoa:	2.0		

	- 100% có trình độ đại học, trong đó trên 60% có trình độ sau đại học - Dưới 60% có trình độ sau đại học, còn lại là đại học - 100% có trình độ đại học - Còn cán bộ trung học là trưởng, phó khoa	2.0 1.75 1.5 1.0	1.75	
13	Cơ cấu lao động: - Tỷ lệ cán bộ chuyên môn trên/lao động khác (cán bộ chuyên môn: cán bộ y, dược, y tế công cộng, kỹ thuật viên các loại, điều dưỡng, Cn. Sinh học; còn lại là lao động khác) + 60% - 80% + 40% - 59% + < 40%	2.0 2.0 1.5 1.0	2.0	
Tổng cộng:		8.0	7.5	
1.4 ĐÀO TẠO: 6.0 điểm				
14	Đơn vị tổ chức các khóa đào tạo hoặc cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo liên tục/đào tạo tại chỗ hàng năm để cập nhật kiến thức, kỹ năng cho cán bộ viên chức (CBVC) - Có $\geq 30\%$ CBVC được đào tạo lại - Có 15 đến < 30% CBVC được đào tạo lại - Có < 15% CBVC được đào tạo lại - Không có <i>* Kiểm tra kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo, danh sách học viên đã đào tạo, báo cáo tổng kết từng khóa đào tạo.</i>	2.0 1.5 1.0 00	2.0	
15	Trong năm đơn vị cử cán bộ công chức, viên chức đi học các khóa đào tạo nâng cao văn bằng Bác sĩ, Dược sĩ, sau đại học (CKI, CKII, Thạc sĩ, Tiến sĩ) - Có - Không có <i>* Kiểm tra danh sách cử học viên dự đào tạo</i>	2.0 1.0	2.0	
16	Đơn vị tổ chức đào tạo/phối hợp đào tạo cho tuyến dưới hoặc đào tạo cho nhu cầu của các đơn vị, tổ chức, cá nhân khác trong tỉnh - Có - Không <i>* Kiểm tra danh sách học viên đã đào tạo</i>	2.0 1.0	2.0	

Tổng cộng:		6.0	6.0	
1.5 NGHIÊN CỨU KHOA HỌC: 4.0 điểm				
17	Có các đề tài NCKH - Có ≥ 3 đề tài cấp cơ sở. Nếu dưới 3 đề tài thì mỗi đề tài: 0.2 điểm; không có đề tài = 0.0. - Có đề tài cấp ngành, cấp bộ/tỉnh. Nếu có tham gia đề tài: 0.5 điểm; không có đề tài = 0.0 * Lưu ý: Các nội dung tính điểm độc lập, tối đa tiêu chuẩn này được 2.0 * Kiểm tra Quyết định phê duyệt và quyết định nghiệm thu đề tài NCKH. Chỉ tính các đề tài đã được nghiệm thu và các đề tài đang triển khai đúng tiến độ	2.0 1.0 1.0	1.0	
18	Tổ chức Hội nghị khoa học/báo cáo chuyên đề, sáng kiến cải tiến hàng năm theo điều lệ hoạt động và nhiệm vụ, chức năng của đơn vị: - Có - Không đầy đủ * Kiểm tra biên bản Hội nghị khoa học/BC chuyên đề, danh sách CBCNV tham gia...	2.0 1.0	1.0	
Tổng cộng:		4.0	2.0	
1.6 CHỈ ĐẠO TUYỂN – TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC: 8.0 điểm				
19	Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá công tác chỉ đạo tuyển hàng quý, năm - Có - Không * Kiểm tra kế hoạch đã được phê duyệt. * Kiểm tra báo cáo kết quả thực hiện chỉ đạo tuyển.	2.0 1.0	2.0	
20	Có lãnh đạo đơn vị, trưởng phó khoa, trưởng phó phòng và cán bộ xuống tuyển dưới đề chỉ đạo tuyển - Có - Không * Kiểm tra kế hoạch chỉ đạo tuyển; danh sách phân công, báo cáo kết quả định kỳ.	2.0 1.0	2.0	
21	Đơn vị trong năm có văn bản chỉ đạo tuyển, văn bản thông			

	báo những sai sót chuyên môn (nếu có) cho tuyến dưới - Có - Không <i>* Kiểm tra văn bản chỉ đạo tuyến lưu.</i> <i>* Kiểm tra các thông báo lưu</i>	2.0 1.0	2.0	
22	Đơn vị trong năm có kế hoạch truyền thông PC các bệnh dịch cho cộng đồng, tổ chức in/nhận tài liệu truyền thông cấp phát và tuyên truyền - Đạt đủ các nội dung - Chưa đạt đủ các nội dung <i>* Kiểm tra kế hoạch tuyên truyền trong năm</i> <i>* Kiểm tra các tài liệu tuyên truyền in/nhận từ tuyến trên cấp</i>	2.0 1.0	2.0	
Tổng cộng:		8.0	8.0	
1.7. TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC: 4.0 điểm				
23	Thực hiện đơn vị không thuốc lá Cán bộ nhân viên không hút thuốc lá trong cơ quan, có bảng cấm hút thuốc lá - Đạt - Không đạt (có người hút thuốc lá) <i>* Kiểm tra thực tế</i>	2.0 1.0	2.0	
24	Đơn vị thực hiện chăm sóc sức khỏe cho cán bộ công nhân viên chức: Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm - Có đạt 100% CBCNV; - Có đạt 80-<100% CBCNV; - Có đạt <80% CBCNV; - Không thực hiện. <i>* Kiểm tra kế hoạch khám sức khỏe trong năm và báo cáo theo dõi kết quả khám sức khỏe cho cán bộ viên chức. Hợp đồng khám sức khỏe với cơ quan, tổ chức khám sức khỏe.</i>	2.0 1.5 1.0 0.0	2.0	
Tổng cộng:		4.0	4.0	
1.8. HỢP TÁC QUỐC TẾ: 2.0 điểm				
25	Đơn vị trực tiếp tham gia triển khai đề án hợp tác quốc tế về chuyên môn, nghiên cứu khoa học, đào tạo, đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị.			

	- Có - Không <i>* Xem quyết định phê duyệt chương trình dự án, báo cáo kết quả thực hiện</i>	2.0 1.0	1.0	
Tổng cộng:		2.0	1.0	
1.9. QUẢN LÝ KINH TẾ TRONG ĐƠN VỊ: 8.0 điểm				
26	Quản lý, sử dụng các nguồn ngân sách của nhà nước, phí, lệ phí, viện trợ ...theo đúng quy định của nhà nước. - Đảm bảo đúng - Có sai sót <i>* Kiểm tra văn bản liên quan đến quản lý sử dụng nguồn ngân sách. Biên bản kiểm toán(nếu có). Hỏi nhân viên làm nghiệp vụ về việc hiểu biết các văn bản đó, kiểm tra so sánh trên thực tế</i>	2.0 1.0	1.0	
27	Tài sản thiết bị máy móc đều được thể hiện trên sổ sách và giao trách nhiệm quản lý cho từng cá nhân - Đảm bảo đúng - Có sai sót <i>* Kiểm tra sổ quản lý và giao nhận trang thiết bị tại một số khoa và kiểm tra so sánh ngẫu nhiên 1 số máy</i>	2.0 1.0	2.0	
28	Sử dụng vật tư, tài sản dựa trên định mức và tiết kiệm: 1. Đơn vị có xây dựng định mức vật tư tiêu hao cho các khoa, phòng: - Có - Không đầy đủ 2. Cấp phát dựa trên định mức theo quy định: - Có - Không đầy đủ 3. Có biện pháp chống lãng phí và thực hành tiết kiệm: - Có - Không đầy đủ <i>* Lưu ý: các nội dung tính điểm độc lập, tổng điểm tiêu chuẩn tối đa là 2.0</i> <i>* Kiểm tra xem sổ sách xây dựng định mức của đơn vị, các văn bản liên quan</i>	0.7 0.5 0.7 0.5 0.6 0.4	0.7 0.7 0.6	
29	Tạo thêm nguồn kinh phí từ các hoạt động dịch vụ và thu phí của đơn vị tăng hơn năm trước: - $\geq 10\%$ - $< 10\%$ - Không tăng <i>* Kiểm tra so sánh đối chiếu với số liệu năm trước</i>	2.0 1.5 1.0	1.5	
	Điểm trừ: 1. Sai phạm về quản lý, sử dụng kinh phí làm thất thoát	-1.0	-1.0	

	ngân sách của Nhà nước, kết luận của thanh tra. <i>Xem có quyết định của các cấp có thẩm quyền sẽ bị trừ điểm</i> 2. Thu phí không đúng với quy định của Bộ Tài chính cho phép theo thông tư 232 và các quy định về thu dịch vụ (-1,0đ) <i>* Kiểm tra có bảng giá niêm yết công khai đặt ở nơi dễ nhìn, dễ đọc và chứng từ hóa đơn.</i>			
Tổng cộng:		8.0	5.5	
Cộng I (Nguồn nhân lực và hoạt động theo CNNV)		58	48	
II. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN: 42.0 điểm				
30	KHOA KIỂM SOÁT BỆNH TRUYỀN NHIỄM VACXIN (6.0 điểm) 1. Có kế hoạch phòng chống dịch chủ động ngay từ đầu năm, có chỉ tiêu cụ thể cho từng bệnh và các biện pháp thực hiện. - Đạt đủ các nội dung và đạt 70 – 80% chỉ tiêu kế hoạch năm - Chưa đạt đủ các nội dung và đạt <70 – 80% chỉ tiêu kế hoạch năm - Không thực hiện <i>* Kiểm tra kế hoạch năm, chú ý đến kế hoạch phòng chống dịch chủ động các chỉ tiêu và mục tiêu cụ thể cho từng bệnh.</i> 2. Thực hiện tốt công tác giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời các vụ dịch, không để dịch lan rộng, kéo dài (số mắc và tử vong giảm so với cùng kỳ năm trước). - Đạt đủ các nội dung - Chưa đạt đủ các nội dung - Không thực hiện <i>* Kiểm tra báo cáo kết quả các đợt công tác giám sát. Số vụ dịch bệnh xảy ra trên địa bàn trong năm, thời gian của vụ dịch cho đến khi bắt đầu đến kết thúc, so sánh tỷ lệ mắc chết so với cùng kỳ năm trước.</i> <i>* Điểm trừ: Trừ 1.0 điểm của mục 30 nếu để xảy ra dịch (có công bố dịch)</i> 3. Có đầy đủ sổ theo dõi, thống kê, báo cáo, có bản đồ theo dõi dịch tễ, lưu trữ số liệu và tình hình dịch hàng năm. - Đạt đủ các nội dung - Chưa đạt đủ các nội dung - Không thực hiện	1.0 0.5 00 1.0 0.5 00 -1.0 1.0 0.5 00	1.0 1.0 1.0	



	<i>* Kiểm tra sổ sách ghi chép thực tế của đơn vị, bản đồ, biểu đồ dịch...</i> 4. Thực hiện tốt các mục tiêu, dự án thuộc chương trình quốc gia thanh toán một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm. - Đạt đủ các mục tiêu chuyên môn dự án CTQGTMSBXH đề ra 1.0 - Không đạt một chương trình, dự án 0.5 - Không thực hiện 00 <i>* Kiểm tra kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu so sánh với mục tiêu, chỉ tiêu dự án, chương trình giao</i> 5. Thực hiện tốt quy chế thông tin, báo cáo bệnh truyền nhiễm gây dịch theo quy định - Đạt 1.0 - Không đạt 0.5 - Không thực hiện 00 <i>* Kiểm tra thực tế số lần báo cáo tuần, tháng, quý, năm, báo cáo đột xuất, báo cáo ngày, báo cáo dịch</i> 6. Có kế hoạch và triển khai các hoạt động về vaccin và sinh phẩm trong công tác phòng chống dịch bệnh - Đạt được mục tiêu TCMR giao 1.0 - Không đạt 0.5 - Không thực hiện 00 <i>* Kiểm tra tỷ lệ % đạt TCMR</i> <i>* Điểm trừ để xảy ra tai biến vaccin (50% số điểm đạt được của mục này)</i>	1.0	1.0	
31	KHOA Y TẾ CÔNG CỘNG (6.0 điểm) 1. Có kế hoạch hoạt động năm của khoa và được cấp thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời triển khai thực hiện kế hoạch theo tháng, quý, năm. - Đạt đủ các nội dung 0.5 - Chưa đạt đủ các nội dung 0.25 - Không thực hiện 00 <i>* Kiểm tra kế hoạch năm và báo cáo kết quả các đợt giám sát thực hiện kế hoạch của đơn vị</i> 2. Quản lý đầy đủ mạng lưới y tế cơ sở nhà máy, xí nghiệp trong phạm vi được giao và hướng dẫn thực hiện các biện pháp xử lý chất thải theo qui định	0.5	0.5	

	- Đạt đủ các nội dung - Chưa đạt đủ các nội dung - Không thực hiện <i>* Kiểm tra danh sách nhà máy, xí nghiệp tại địa phương do đơn vị lập để quản lý</i> 3. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn theo chỉ tiêu kế hoạch năm. - Đạt - Không đạt - Không thực hiện <i>* Kiểm tra danh sách cán bộ công nhân viên được tổ chức khám theo chỉ tiêu kế hoạch năm.</i> 4. Hướng dẫn kiểm tra đơn đốc thực hiện các qui định về vệ sinh và an toàn lao động đối với các cơ sở nhà máy, xí nghiệp... trên địa bàn. - Đạt - Không đạt - Không thực hiện <i>* Kiểm tra sổ sách, biên bản... và nội dung hướng dẫn.</i> 5. Kiểm tra vệ sinh các nguồn cấp nước, các công trình vệ sinh và hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp xử lý chất thải theo quy định. - Đạt đủ các nội dung - Chưa đạt đủ các nội dung - Không thực hiện <i>* Kiểm tra các báo cáo giám sát và hướng dẫn các biện pháp xử lý.</i> 6. Phối hợp với các ngành tại địa phương triển khai thực hiện và giám sát các chế độ chính sách của nhà nước và bảo vệ sức khỏe cho người lao động. - Đạt - Không đạt - Không thực hiện <i>* Kiểm tra các báo cáo thực hiện và giám sát các hoạt động PCTNTT và xây dựng CDAT tại địa phương.</i> 7. Triển khai thực hiện các chương trình, dự án liên quan đến sức khỏe môi trường, quản lý y tế trường học, phòng chống bệnh nghề nghiệp, xây dựng cộng đồng an toàn và phòng chống TNTT trên địa bàn.	1.0 0.5 00 1.0 0.5 00 1.0 0.5 00 1.0 0.5 00 1.0 0.5 00 0.5	1.0 1.0 1.0 0.5 0.5	
--	--	--	--	--

	- Đạt mục tiêu, chỉ tiêu chương trình, dự án - Không đạt - Không thực hiện <i>* Kiểm tra kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, chương trình, dự án so với mục tiêu, chỉ tiêu, chương trình dự án giao cho địa phương.</i>	0.25 0.0		
32	KHOA CSSK SINH SẢN (6.0 điểm) 1. Có kế hoạch hoạt động theo tháng, quý, năm, được cấp thẩm quyền phê duyệt. - Đạt đủ các nội dung - Chưa đạt đủ các nội dung - Không thực hiện <i>* Kiểm tra kế hoạch, sổ sách, báo cáo...</i> 2. Có đầy đủ sổ sách quản lý các chỉ số về chăm sóc SKSS và đánh giá thực trạng sức khỏe sinh sản trong địa bàn. - Đạt đủ các nội dung - Chưa đạt đủ các nội dung - Không thực hiện <i>* Kiểm tra thông qua các sổ sách báo cáo</i> 3. Dinh dưỡng cộng đồng: + Có bản kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng được UBND huyện phê duyệt và có kế hoạch triển khai hàng năm. - Có đầy đủ - Có nhưng không đầy đủ (thiếu KHCL hoặc KHTKHN) - Không có <i>* Kiểm tra cụ thể bản KHCL và kế hoạch triển khai hàng năm.</i> + Thực hiện công tác điều tra, giám sát dinh dưỡng trong địa bàn - Có thực hiện - Thực hiện không đầy đủ - Không thực hiện <i>* Kiểm tra các báo cáo kết quả giám sát, điều tra.</i> + Triển khai hoạt động phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng trên địa bàn và các hoạt động khác - Có triển khai - Có triển khai nhưng thực hiện không đầy đủ	0.5 0.25 0.0 0.5 0.25 0.0 0.3 0.15 0.0 0.4 0.2 0.0 0.3 0.15	0.5 0.5 0.3 0.4 0.3	

	- Không thực hiện <i>* Kiểm tra báo cáo kết quả triển khai</i> 4. Xây dựng và hoàn thành tốt kế hoạch giám sát hỗ trợ về chuyên môn kỹ thuật đối với y tế tuyến xã thực hiện theo hướng dẫn theo chuẩn quốc gia về dịch vụ CSSKSS - Đạt đủ các nội dung - Chưa đạt đủ các nội dung - Không thực hiện <i>*Kiểm tra thông qua các kế hoạch giám sát, các báo cáo giám sát và nội dung hướng dẫn..</i> 5. Sẵn sàng cung cấp các dịch vụ KHHGĐ, phòng chống nhiễm khuẩn đường sinh sản và có kế hoạch chuyển giao các dịch vụ cho tuyến trước. - Đạt đủ các nội dung - Chưa đạt đủ các nội dung - Không thực hiện <i>* Kiểm tra thông qua các sổ sách, số liệu danh sách khách hàng nhận dịch vụ và kế hoạch chuyển giao cho tuyến xã..</i> 6. Triển khai tốt chương trình mục tiêu y tế quốc gia, các dự án về CSSKSS và PC SDD trẻ em trên địa bàn. - Đạt đủ các nội dung - Chưa đạt đủ các nội dung - Không thực hiện <i>* Kiểm tra chỉ tiêu so với năm trước, các tài liệu văn bản liên quan đến sự phối hợp với các ngành</i> 7. Thực hiện nghiêm túc báo cáo thống kê theo đúng qui định - Đạt đủ các nội dung - Chưa đạt đủ các nội dung - Không thực hiện <i>* Kiểm tra báo cáo thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu các chương trình, dự án...</i>	00 1.0 0.5 00 1.0 0.5 00 1.0 0.5 00 1.0 0.5 00	1.0 1.0 1.0	
33	KHOA AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM (6 điểm) 1. Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện tổ CTMTQG và các dự án về ATVSTP trên địa bàn - Đạt đủ các nội dung và đạt 70 – 80% chỉ tiêu kế hoạch năm. - Chưa đạt đủ các nội dung và đạt < 70% chỉ tiêu KH năm - Không thực hiện	2.0 1.0	2.0	

	<i>* Kiểm tra KH năm và kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu so với cùng kỳ năm trước của đơn vị.</i> 2. Có kế hoạch tập huấn kiến thức và các quy định về ATTP cho các đơn vị trên địa bàn; giám sát việc thực hiện các điều kiện ATVSTP đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trong phạm vi phân cấp quản lý. - Đạt đủ các nội dung - Chưa đạt đủ các nội dung - Không thực hiện <i>* Kiểm tra qua các kế hoạch tập huấn, các báo cáo giám sát của các khoa phòng trong đơn vị.</i> 3. Thực hiện kiểm tra ATVSTP đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn huyện; điều tra và triển khai các biện pháp phòng ngừa ngộ độc thực phẩm theo quy định. Thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo, thống kê. - Đạt - Chưa đạt - Không thực hiện <i>* Kiểm tra kế hoạch báo cáo và các tài liệu liên quan...</i>	0.0		
		2.0	2.0	
		1.0		
		0.0		
		2.0	2.0	
		1.0		
		0.0		
34	CHƯƠNG TRÌNH PC HIV/AIDS (6 điểm) 1. Hoàn thành các chỉ tiêu phòng chống HIV/AIDS trên địa bàn. - Đạt - Không đạt - Không thực hiện <i>* Kiểm tra căn cứ chỉ tiêu, mục tiêu kế hoạch năm được giao so sánh với kết quả năm trước của đơn vị</i> 2. Xây dựng Kế hoạch năm, quý; hướng dẫn, chỉ đạo các hoạt động cho tuyến dưới - Đạt - Không đạt - Không thực hiện <i>* Kiểm tra các kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tuyến dưới</i> 3. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, thống kê sơ kết định kỳ, tổng kết năm - Đạt đủ các nội dung - Chưa đạt đủ các nội dung - Không thực hiện	2.0	2.0	
		1.0		
		0.0		
		2.0	2.0	
		1.0		
		0.0		
		2.0	2.0	
		1.0		
		0.0		

	<i>* Kiểm tra thực tế số lần, lượt báo cáo theo chế độ báo cáo các quy định.</i>			
35	TRUYỀN THÔNG GDSK (6 điểm) 1. Có kế hoạch hoạt động theo tháng, quý, năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Đạt đủ các nội dung - Chưa đạt đủ các nội dung - Không thực hiện <i>* Kiểm tra thực tế bản kế hoạch và báo cáo sơ, tổng kết...</i> 2. Thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền về các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực Y tế trên địa bàn. - Đạt đủ các nội dung - Chưa đạt các nội dung - Không thực hiện <i>* Kiểm tra thông qua báo cáo giám sát</i> 3. Tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông phòng chống các dịch bệnh cho cộng đồng. Có kế hoạch hướng dẫn nghiệp vụ, cấp phát tài liệu truyền thông trên địa bàn huyện, xã. - Có - Không có - Không thực hiện <i>* Kiểm tra kế hoạch và các báo cáo tổ chức thực hiện.</i> 4. Tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn sức khỏe cho cộng đồng và hướng dẫn nghiệp vụ tư vấn sức khỏe đối với các cơ sở y tế trên địa bàn. - Có tổ chức thực hiện đạt chỉ tiêu. - Có tổ chức thực hiện nhưng không đạt chỉ tiêu. - Không thực hiện. <i>* Kiểm tra thực tế sổ sách, báo cáo kết quả thực hiện.</i> 5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đảm bảo đúng thời gian và nội dung theo qui định. - Đạt - Không đạt - Không thực hiện <i>* Kiểm tra sổ sách, báo cáo lưu.</i>	2.0 1.0 0.0 1.0 0.5 0.0 1.0 0.5 0.0 1.0 0.5 0.0 1.0 0.5 0.0	2.0 1.0 1.0 1.0	
36	KHOA XÉT NGHIỆM (6 điểm) 1. Có kế hoạch của tháng, quý, năm được cấp thẩm quyền	0.5	0.5	

phê duyệt đúng thời gian theo qui định.	0.25		
- Có và đầy đủ các nội dung	0.0		
- Có nhưng chưa đạt đủ các nội dung			
- Không thực hiện			
<i>* Kiểm tra kế hoạch</i>			
2. Thực hiện các xét nghiệm cơ bản phục vụ cho công tác chuyên môn của Trung tâm và Y tế xã.			
a) Xét nghiệm vi sinh, xét nghiệm ký sinh trùng	0.5	0.5	
- Đạt 70 – 80%	0.25		
- Dưới 70%	0.0		
b) Xét nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm			
- Đạt 70 – 85%			
- Dưới 70%			
c) Xét nghiệm lý - hóa, sinh hóa, huyết học	0.5	0.5	
- Đạt 70 – 90%	0.25		
- Dưới 70%	0.0		
3. Lấy mẫu và bảo quản mẫu xét nghiệm gửi tuyến trên theo đúng qui trình, qui định	0.5	0.5	
- Đạt đủ các nội dung	0.25		
- Chưa đạt đủ các nội dung	0.0		
- Không thực hiện			
<i>* Kiểm tra sổ sách, báo cáo gửi kết quả xét nghiệm</i>			
4. Xét nghiệm trực tiếp trứng giun sán, lỵ amib, KSTSR, Iốt và các xét nghiệm khác đã được CDC tỉnh quy định.	0.5		
- Đạt đủ các nội dung	0.25	0.25	
- Chưa đạt đủ các nội dung	0.0		
- Không thực hiện			
<i>* Kiểm tra thực tế các sổ sách, báo cáo và phiếu trả xét nghiệm.</i>			
5. Nuôi cấy sơ bộ vi khuẩn để xác định tác nhân gây bệnh phục vụ cho công tác phòng, chống dịch và công tác kiểm tra vệ sinh, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo qui định.	1.0		
- Có và đảm bảo kỹ thuật	0.5		
- Có nhưng chưa đảm bảo	0.0	0.0	
- Không thực hiện			
<i>* Xem xét báo cáo và kiểm tra quy trình kỹ thuật</i>			
6. Phối hợp với các khoa cận lâm sàng của các bệnh viện trên địa bàn huyện để triển khai các xét nghiệm phục vụ			

